

TỜ TRÌNH

Về phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương”

Kính gửi: UBND tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực

hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa, phiên bản 4.0;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa Phê duyệt Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành ưu tiên triển khai năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch công tác năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2520/SKHHCN-CĐS ngày 08/05/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ý kiến triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành ưu tiên năm 2026 của Sở Công Thương;

Căn cứ Công văn số 7268/STC-VP ngày 04/06/2026 của Sở Tài chính về việc triển khai một số nội dung về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 7390/STC-TCHCSN ngày 05/6/2026 của Sở Tài chính về việc ý kiến về nguồn lực triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Sở Công Thương năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1206/TMĐT-CĐS ngày 08/06/2026 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số về việc ý kiến đối với nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công Thương của tỉnh Khánh Hòa;

Sở Công Thương kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ **“Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương”** với các nội dung như sau:

I. HIỆN TRẠNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Hạ tầng kỹ thuật:

Hiện tại, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Sở Công Thương bao gồm hệ thống mạng LAN có kết nối Internet tốc độ cao và các máy trạm có cấu hình cơ bản đáp ứng được nhu cầu xử lý công việc chuyên môn và nhu cầu tìm kiếm, khai thác dữ liệu của cán bộ, công chức trong hoạt động công vụ.

2. Dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành:

Dữ liệu của Sở Công Thương hiện đang tồn tại dưới nhiều định dạng khác nhau, bao gồm văn bản giấy và các tệp điện tử rời rạc (dạng Word, Excel,...), được lưu trữ bằng hồ sơ giấy và trên các hệ thống điện tử như E-Office, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh/ Bộ Công Thương/Cổng Dịch vụ công quốc gia, trang thông tin điện tử Sở Công Thương,... chưa được tổ chức thành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn ngành, chưa có chuẩn cấu trúc dữ liệu thống nhất và hệ thống tra cứu tổng hợp. Thực trạng này dẫn đến tình trạng dữ liệu bị phân tán, trùng lặp, khó khăn khi khai thác, tìm kiếm và tốn nhiều thời gian trong công tác tổng hợp, báo cáo chuyên ngành.

Hiện nay, công tác báo cáo chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp tổng hợp thủ công từ các phòng, đơn vị và phụ thuộc nhiều vào các bảng tính dạng Excel. Ngoài ra, việc khai thác dữ liệu từ các hệ thống của Bộ Công Thương còn chưa đảm bảo tính kịp thời do phụ thuộc vào chu kỳ cập nhật và thiếu tính chủ động. Sở Công Thương hiện chưa có các công cụ hỗ trợ như Dashboard trực quan hay hệ thống phân tích dữ liệu theo thời gian thực. Hệ quả là lãnh đạo Sở và các phòng, đơn vị gặp khó khăn trong việc tra cứu thông tin nhanh chóng, chính xác và công tác tham mưu, dự báo vẫn còn nhiều thiếu sót.

3. Nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

Cán bộ, công chức Sở Công Thương có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao, đáp ứng được yêu cầu khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin dữ liệu được UBND tỉnh và Bộ Công Thương triển khai trong hoạt động công vụ; đồng thời thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện về quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu và triển khai chuyển đổi số do các cơ quan chuyên môn của tỉnh và đơn vị tư vấn phối hợp tổ chức.

Ngoài ra, Sở Công Thương đã ban hành quy định quản lý an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nội bộ theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quán triệt đến cán bộ, công chức trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin có lưu trữ dữ liệu ngành Công thương như hệ thống E-Office, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh/ Bộ Công Thương/Cổng Dịch vụ

công quốc gia, trang thông tin điện tử Sở Công Thương,... Trên cơ sở đó, Sở Công Thương đảm bảo được nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và nhận thức đạt yêu cầu trong quá trình khai thác, sử dụng và xử lý dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương do Sở Công Thương triển khai xây dựng, quản lý và vận hành.

II. NHU CẦU CẤP THIẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số trên cơ sở ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương là hành động đúng đắn, cần thiết và phù hợp với chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh và nhận thức, nhu cầu hiện nay của cán bộ, công chức và người lao động Sở Công Thương trong hoạt động công vụ, tạo điều kiện nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính kịp thời, chính xác trong công tác chỉ đạo, điều hành, tham mưu chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương sẽ trở thành công cụ quản lý toàn diện ngành Công thương, hỗ trợ Sở Công Thương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và hội nhập kinh tế ngày càng mở rộng trong giai đoạn hiện nay.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ ***“Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương”*** có kết quả đầu ra là phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu ngành Công thương, là công cụ quản lý toàn diện hoạt động ngành Công thương trên địa bàn tỉnh, có chức năng tích hợp, cung cấp số liệu đúng - đủ - sạch - sống để cập nhật trên hệ thống IOC tỉnh, nâng cao hiệu quả khả năng dự báo tình hình và hỗ trợ UBND tỉnh ban hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Ngoài ra, hệ thống có khả năng kết nối đồng bộ và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin dữ liệu quan trọng khác trên địa bàn tỉnh sẽ góp phần công khai, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín của tỉnh Khánh Hòa với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa trong kỷ nguyên số.

1. Hiệu quả kinh tế

a) *Tiết kiệm chi phí hành chính và nhân lực*: Hiện tại, công tác tổng hợp số liệu, lập báo cáo chuyên ngành của Sở Công Thương chủ yếu được thực hiện thủ công, tiêu tốn nhiều thời gian và nhân lực. Khi hệ thống cơ sở dữ liệu được triển khai, thời gian xử lý, tổng hợp và báo cáo số liệu dự kiến giảm từ 60% đến 70%

so với phương thức thủ công hiện tại. Điều này tương đương việc tiết kiệm đáng kể chi phí nhân công, chi phí in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy và các chi phí hành chính phát sinh hàng năm, tạo điều kiện để cán bộ, công chức tập trung vào các nhiệm vụ chuyên môn có giá trị gia tăng cao hơn.

b) Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp: Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương sau khi hoàn thành sẽ cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời về tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh. Việc công khai dữ liệu có chọn lọc lên môi trường mạng giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận thông tin, rút ngắn thời gian nghiên cứu thị trường, giảm chi phí giao dịch và tăng mức độ tin tưởng vào môi trường kinh doanh của tỉnh Khánh Hòa. Đây là yếu tố trực tiếp góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tăng khả năng thu hút các dự án đầu tư có chất lượng vào lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn.

c) Tối ưu hóa công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng tham mưu chính sách: Dữ liệu tập trung, đồng bộ và cập nhật theo thời gian thực cho phép lãnh đạo Sở Công Thương và UBND tỉnh theo dõi sát diễn biến của ngành công nghiệp và thương mại, kịp thời phát hiện những bất thường, điểm nghẽn trong hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa. Từ đó, các quyết định quản lý, điều hành và tham mưu chính sách được đưa ra trên cơ sở dữ liệu thực tế, khoa học và chính xác, giảm thiểu rủi ro sai lệch chính sách do thiếu thông tin, góp phần trực tiếp vào việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Hiệu quả xã hội

a) Tăng cường tính minh bạch và niềm tin của xã hội: Việc xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương sẽ góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội có thể tiếp cận thông tin chính thống, chính xác về tình hình ngành, từ đó nâng cao niềm tin vào hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, giảm thiểu thông tin sai lệch và tăng sự đồng thuận xã hội trong quá trình thực thi chính sách.

b) Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Công thương và toàn tỉnh: Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương là bước đi cụ thể, thiết thực trong lộ trình chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và chỉ đạo của UBND tỉnh. Hệ thống sẽ tạo ra nền tảng dữ liệu số hóa cho toàn ngành Công thương, từng bước xóa bỏ phương thức quản lý thủ công, thúc đẩy văn hóa làm việc dựa trên dữ liệu trong đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời là mô hình tham khảo cho các sở, ngành khác trong tỉnh trong công tác chuyển đổi số.

c) Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công thuận tiện hơn: Khi dữ liệu ngành Công thương được số hóa và kết nối liên thông với các hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh và quốc gia, người dân và doanh nghiệp sẽ hưởng lợi trực tiếp thông qua việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, giảm số lần phải cung cấp thông tin trùng lặp và giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Đây là kết quả xã hội thiết thực, phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn của Nhà nước.

3. Kết quả đầu ra của nhiệm vụ

Sau khi hoàn thành, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương sẽ tạo ra các sản phẩm đầu ra cụ thể và có thể đo lường, bao gồm:

a) Về sản phẩm phần mềm: 02 phân hệ phần mềm được bàn giao hoàn chỉnh, gồm:

(1) Phân hệ quản lý dữ liệu Công nghiệp: Quản lý thông tin về các cơ sở sản xuất công nghiệp, chỉ số sản xuất, năng lực sản xuất, cụm công nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

(2) Phân hệ quản lý dữ liệu Thương mại - Xuất nhập khẩu: Quản lý thông tin về hoạt động thương mại nội địa, hệ thống phân phối, bán lẻ, kim ngạch xuất nhập khẩu và doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh. Các phần mềm được xây dựng đúng quy trình, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin và khả năng kết nối, tích hợp với hệ thống thông tin của tỉnh và quốc gia.

b) Về dữ liệu: Cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, tạo lập và chuyển đổi từ các nguồn dữ liệu hiện có, bảo đảm tính đúng - đủ - sạch và có cấu trúc thống nhất theo tiêu chuẩn. Dữ liệu lịch sử của các lĩnh vực công nghiệp và thương mại được số hóa và đưa vào hệ thống, làm nền tảng cho công tác phân tích, dự báo và ra quyết định dựa trên dữ liệu trong các năm tiếp theo.

c) Đầu ra về kết nối và tích hợp hệ thống: Hệ thống có khả năng kết nối, liên thông với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Khánh Hòa, Hệ thống IOC tỉnh, Cổng dữ liệu mở và các hệ thống thông tin của các sở, ngành theo đúng Khung Kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa, phiên bản 4.0 và Khung kiến trúc tổng thể Quốc gia số. Đồng thời, hệ thống sẵn sàng kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin do Bộ Công Thương quản lý khi có yêu cầu.

d) Về đào tạo và chuyển giao: 100% cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ vận hành hệ thống được đào tạo, hướng dẫn sử dụng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ đơn vị cung cấp phần mềm. Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật và quy trình vận hành, bảo trì hệ thống được bàn giao đầy đủ, bảo đảm Sở Công Thương có đủ năng lực tự quản lý, vận hành và phát triển hệ thống sau khi kết thúc hợp đồng.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH CÔNG THƯƠNG

1. Tên đơn vị đầu tư thực hiện nhiệm vụ: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

2. Danh mục đầu tư: *theo Phụ lục II.*

3. Mục tiêu đầu tư:

Tạo lập hệ thống thông tin nhằm quản lý tập trung, thực hiện số hóa, cập nhật các dữ liệu theo thời gian thực để quản lý toàn diện ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Hỗ trợ công tác quản lý, điều hành trong hoạt động công vụ của Sở Công Thương, bao gồm cung cấp các công cụ tra cứu, khai thác dữ liệu số để phục vụ công tác lập báo cáo, ra quyết định, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu, quản lý nhà nước của Sở Công Thương, hoàn thành tốt các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

Phục vụ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, bao gồm các hoạt động công khai, chia sẻ dữ liệu (khi phù hợp) lên môi trường mạng để hỗ trợ nhu cầu tra cứu, tiếp cận thông tin, góp phần minh bạch thông tin, góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với tỉnh Khánh Hòa.

Kết nối, liên thông, đồng bộ và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu dùng chung, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành trong tỉnh theo quy định, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

4. Quy mô đầu tư:

a) Xây dựng Phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu ngành Công thương gồm 02 cơ sở dữ liệu chuyên ngành: cơ sở dữ liệu về quản lý Công nghiệp và cơ sở dữ liệu về quản lý Thương mại - Xuất nhập khẩu (*theo Phụ lục Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh*);

b) Chuẩn hóa, tạo lập và chuyển đổi cơ sở dữ liệu các lĩnh vực trong phạm vi quản lý ngành Công thương;

c) Đào tạo hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ.

5. Tổng mức đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Khái toán kinh phí (*theo Phụ lục I*): 11.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ, năm trăm triệu đồng./.*).

Trong đó:

- Chi phí trang thiết bị: 9.625.361.872 (đồng).

- Chi phí quản lý dự án: 270.950.000 (đồng).
- Chi phí tư vấn đầu tư: 711.914.000 (đồng).
- Chi phí khác: 498.270.000 (đồng).
- Chi phí dự phòng: 393.504.128 (đồng).

7. Hạ tầng vận hành: Sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa.

8. Địa điểm thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa.

9. Nguồn vốn: Nguồn vốn chi thường xuyên năm 2026.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

V. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ

Công văn số 2520/SKHCN-CDS ngày 08/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ đã thống nhất 02 nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu nêu trên là phù hợp với Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh; đồng thời xác nhận nhiệm vụ không bị trùng lặp với 20 cơ sở dữ liệu quốc gia do các bộ, ngành Trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình triển khai, Sở Công Thương đảm bảo tuân thủ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; tuân thủ Khung Kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa phiên bản 4.0 và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số nhằm bảo đảm khả năng kết nối liên thông giữa cơ sở dữ liệu ngành với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, với hệ thống quốc gia và các sở, ngành trong tỉnh.

2. Ý kiến của Sở Tài chính

Công văn số 7390/STC-TCHCSN ngày 05/6/2026 của Sở Tài chính đã có một số ý kiến:

- Về thẩm quyền: Xác định Sở Công Thương được giao thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm trình, dự thảo quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí. Đề nghị Sở Công Thương đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội và hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ. Bên cạnh đó, bổ sung ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ về khả năng kết nối liên thông giữa cơ sở dữ liệu ngành Công thương với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và với hệ thống quốc gia, các sở, ngành trong tỉnh; đồng thời bảo đảm không bị trùng lặp với 20 CSDL quốc gia theo Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg.

Sở Công Thương đã tiếp thu đầy đủ các yêu cầu trong công văn và thực hiện điều chỉnh lại nội dung tờ trình theo đề nghị.

3. Ý kiến của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Sở Công Thương đã chủ động gửi Công văn số 2436/SCT-VP ngày 26/5/2026 về việc xin ý kiến đối với nhiệm vụ xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công Thương, nhằm tránh chồng chéo với các nhiệm vụ Bộ đang triển khai và bảo đảm khả năng đồng bộ với các hệ thống thông tin dữ liệu Bộ dự kiến triển khai trong thời gian tới.

Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã có Công văn số 1206/TMĐT-CDS ngày 08/6/2026 phản hồi, thống nhất về chủ trương triển khai xây dựng 02 hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành nêu trên.

Trong quá trình lập, thẩm định và triển khai nhiệm vụ, Sở Công Thương tiếp thu và cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Cục TMĐT&KTS, bao gồm:

(1) Xác định rõ phạm vi thông tin, đối tượng quản lý, bảo đảm phù hợp với kiến trúc tổng thể, tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục dùng chung của Bộ Công Thương đối với từng hệ thống;

(2) Bổ sung đầy đủ cấu trúc thông tin, nhóm chỉ tiêu và thành phần dữ liệu chi tiết để làm rõ khả năng phân biệt với các hệ thống đang được Bộ quản lý, vận hành;

(3) Nghiên cứu phối hợp cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số phát triển thị trường nước ngoài của Bộ Công Thương;

(4) Rà soát phạm vi đầu tư, nguồn dữ liệu, phương án kết nối với các hệ thống hiện có và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kết nối, chia sẻ dữ liệu.

VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ:

1. Kết luận

Nhiệm vụ **“Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương”** là nhiệm vụ nền tảng, có ý nghĩa quan trọng và cần được ưu tiên trong lộ trình chuyển đổi số của tỉnh. Việc triển khai nhiệm vụ sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành của Sở Công Thương theo hướng dựa trên dữ liệu số; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tổng hợp, xây dựng chính sách; đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, hướng tới chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị

Sở Công Thương đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ **“Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương”**

để làm cơ sở triển khai thực hiện, hoàn thành đúng thời hạn vào tháng 09/2026 theo Phụ lục Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh.

Đính kèm dự thảo Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ **“Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương”**; các tài liệu liên quan và các báo giá của nhà cung cấp dịch vụ.

Trân trọng./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Nhựt

PHỤ LỤC I.
DIỄN GIẢI DỰ TOÁN

1. Cơ sở lập dự toán

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước;

Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các báo giá của các nhà cung cấp dịch vụ.

2. Bảng tổng hợp khái toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị dự toán
1	Chi phí trang thiết bị	9.625.361.872
2	Chi phí quản lý dự án	270.950.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư	711.914.000
4	Chi phí khác	498.270.000
5	Chi phí dự phòng	393.504.128
	TỔNG DỰ TOÁN	11.500.000.000

3. Chi phí trang thiết bị

STT	Hạng mục sản phẩm	Giá trị	Thuế VAT	Thành tiền (Sau thuế)	Ghi chú
I	Phần mềm nội bộ	8.530.950.000		8.530.950.000	Báo giá, căn cứ theo điểm a, khoản 4, Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
1	Phân hệ quản lý dữ liệu Công nghiệp	3.021.045.000	-	3.021.045.000	
2	Phân hệ quản lý dữ liệu Thương mại - Xuất nhập khẩu	5.509.905.000	-	5.509.905.000	
II	Chuẩn hóa, tạo lập và chuyển đổi cơ sở dữ liệu	999.964.696	79.997.176	1.079.961.872	
III	Đào tạo, chuyển giao công nghệ phần mềm nội bộ, CSDL	14.450.000	-	14.450.000	
	Tổng cộng	9.545.364.696	79.997.176	9.625.361.872	

4. Diễn giải các chi phí quản lý, tư vấn, chi phí khác

Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn xác định sơ bộ theo phương pháp lập dự toán công chuyên gia theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

Chi phí khác dự kiến bao gồm 02 chi phí: Chi phí thẩm định giá, Chi phí kiểm thử độc lập, giá trị xác định là giá trị tạm tính do chưa có đầy đủ cơ sở để xác định chi tiết giá trị.

Chi phí dự phòng: Không vượt quá 5% chi phí các hạng mục theo mục 1.6 phụ lục 03 Thông tư 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024.

STT	Danh mục chi phí	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế	Căn cứ
II	Chi phí quản lý dự án	250.879.630	20.070.370	270.950.000	Lập dự toán chuyên gia, căn cứ theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
III	Chi phí tư vấn	659.179.629	52.734.371	711.914.000	
1	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	504.034.259	40.322.741	544.357.000	Lập dự toán chuyên gia, căn cứ theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
2	Thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	20.961.111	1.676.889	22.638.000	Lập dự toán chuyên gia, căn cứ theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
3	Lập hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu	74.359.259	5.948.741	80.308.000	Lập dự toán chuyên gia, căn cứ theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
4	Thẩm định hồ sơ mời thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	59.825.000	4.786.000	64.611.000	Lập dự toán chuyên gia, căn cứ theo điểm c, khoản 5 Điều 16 Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
IV	Chi phí khác	492.957.259	5.312.741	498.270.000	
1	Chi phí Thẩm định giá	66.409.259	5.312.741	71.722.000	Tạm tính
2	Chi phí kiểm thử độc lập	426.500.000	-	426.500.000	Tạm tính
V	Chi phí dự phòng	393.504.128	-	393.504.128	Không vượt quá 5% chi phí các hạng mục theo mục 1.6 phụ lục 03 Thông tư 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024

PHỤ LỤC II.
DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Danh mục đầu tư

STT	Hạng mục sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
I	Phần mềm nội bộ	Phần mềm	01
1	Phần hệ quản lý dữ liệu Công nghiệp		
2	Phần hệ quản lý dữ liệu Thương mại - Xuất nhập khẩu		
II	Chuẩn hóa, tạo lập và chuyển đổi cơ sở dữ liệu	Dịch vụ	01
III	Đào tạo, chuyển giao công nghệ phần mềm nội bộ, CSDL	Dịch vụ	01

2. Phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương

2.1. Chức năng phân hệ quản lý dữ liệu Công nghiệp

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
I	PHÂN HỆ QUẢN LÝ DỮ LIỆU CÔNG NGHIỆP
1	Quản lý dữ liệu cụm công nghiệp
2	Quản lý Doanh nghiệp thuộc cụm công nghiệp
3	Quản lý dữ liệu khu công nghiệp
4	Quản lý doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ
5	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp Công nghiệp
6	Quản lý dữ liệu Cơ sở sản xuất công nghiệp
7	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp vật liệu nổ công nghiệp
8	Quản lý kho chứa vật liệu nổ công nghiệp
9	Quản lý dữ liệu cơ sở Công nghiệp nông thôn

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
10	Quản lý dữ liệu cơ sở sản xuất nhỏ, lẻ
11	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp hóa chất
II	PHÂN HỆ CHIA SẺ DỮ LIỆU CÔNG NGHIỆP
12	Quản lý thông tin kết nối với hệ thống thông tin khác
13	Quản lý phân quyền kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin khác
14	Quản lý Token của hệ thống thông tin khác
15	Quản lý chia sẻ dữ liệu cụm công nghiệp
16	Quản lý chia sẻ dữ liệu khu công nghiệp
17	Quản lý chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp vật liệu nổ công nghiệp
18	Quản lý chia sẻ dữ liệu Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ
19	Quản lý chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp công nghiệp
III	PHÂN HỆ QUẢN LÝ QUY HOẠCH LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
20	Quản lý danh mục giai đoạn quy hoạch
21	Quản lý dự án quy hoạch cụm công nghiệp
22	Quản lý dữ liệu quy hoạch cụm công nghiệp
23	Quản lý dự án quy hoạch khu công nghiệp
24	Quản lý dữ liệu quy hoạch khu công nghiệp
25	Quản lý dự án quy hoạch hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp
26	Quản lý dữ liệu quy hoạch hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp
27	Báo cáo tổng hợp quy hoạch cho các lớp dữ liệu công nghiệp
IV	PHÂN HỆ BÁO CÁO THỐNG KÊ LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
28	Thống kê dữ liệu cụm công nghiệp
29	Thống kê doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ về dệt may, da giày
30	Thống kê dữ liệu khu công nghiệp

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
31	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp Công nghiệp
32	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp vật liệu nổ công nghiệp
33	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp
34	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp sản xuất rượu thủ công
35	Xuất Mẫu báo cáo Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường theo thông tư 34 của BCT
V	PHÂN HỆ DASHBOARD
36	Xem trang chính Dashboard
37	Xem biểu đồ thống kê dữ liệu cụm công nghiệp
38	Xem biểu đồ thống kê cụm công nghiệp
39	Xem biểu đồ thống kê Doanh nghiệp thuộc cụm công nghiệp
40	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ
41	Xem biểu đồ thống kê khu công nghiệp
42	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp Công nghiệp
43	Xem biểu đồ thống kê Cơ sở sản xuất công nghiệp
44	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp vật liệu nổ công nghiệp
45	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp hoạt động hóa chất
46	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp
47	Xem biểu đồ thống kê doanh nghiệp sản xuất rượu thủ công
VI	PHÂN HỆ XÁC THỰC
48	Đăng nhập phần mềm
49	Cập nhật thông tin cá nhân
50	Thay đổi mật khẩu
51	Lấy lại mật khẩu đã quên

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
VII	PHÂN HỆ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG
52	Quản trị người dùng
53	Quản lý nhóm quyền
54	Quản lý phân quyền cho nhóm quyền
55	Cấu hình sao lưu dữ liệu
56	Quản lý nhật ký hệ thống

2.2. Chức năng phân hệ quản lý dữ liệu Thương mại - Xuất nhập khẩu

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
I	PHÂN HỆ QUẢN LÝ DỮ LIỆU THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU
1	Quản lý dữ liệu chợ
2	Quản lý dữ liệu siêu thị
3	Quản lý dữ liệu trung tâm thương mại
4	Quản lý dữ liệu cửa hàng xăng dầu
5	Quản lý dữ liệu thương nhân phân phối xăng dầu
6	Quản lý dữ liệu tổng kho xăng dầu
7	Quản lý dữ liệu trạm nạp (Cấp) LPG/LNG/CNG
8	Quản lý dữ liệu kho khí LPG/LNG/CNG
9	Quản lý dữ liệu cửa hàng LPG/LNG/CNG
10	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp hoạt động điện lực bán lẻ
11	Quản lý dữ liệu sàn thương mại điện tử
12	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp thương mại điện tử
13	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp bán hàng đa cấp
14	Quản lý dữ liệu trung tâm Logistics

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
15	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp xúc tiến thương mại
16	Quản lý dữ liệu hội, hiệp hội
17	Quản lý dữ liệu hợp tác xã
18	Quản lý dữ liệu cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
19	Quản lý dữ liệu cơ sở phân phối bán lẻ
20	Quản lý Thương mại điện tử và kinh tế số
21	Quản lý dữ liệu cửa hàng bán lẻ
22	Quản lý dữ liệu hội chợ/sự kiện kết nối giao thương, xúc tiến thương mại nước ngoài
23	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp XTTM trong nước
24	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp XTTM ngoài nước
25	Quản lý dữ liệu cơ sở bán lẻ có vốn đầu tư nước ngoài
26	Quản lý dữ liệu thương nhân buôn bán/bán lẻ thuốc lá
27	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp xuất khẩu
28	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp nhập khẩu
29	Quản lý dữ liệu văn phòng đại diện thương nhân/Doanh nghiệp nước ngoài
30	Quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ, lẻ
31	Quản lý dữ liệu thương nhân buôn bán lẻ rượu
32	Quản lý dữ liệu doanh nghiệp SXSH (Đánh giá nhanh, đánh giá tổng thể)
33	Quản lý Phòng vệ thương mại
34	Quản lý Hội nhập quốc tế
II	PHÂN HỆ CHIA SẺ DỮ LIỆU THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU
35	Quản lý thông tin kết nối với hệ thống thông tin khác
36	Quản lý phân quyền kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin khác

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
37	Quản lý Token của hệ thống thông tin khác
38	Quản lý chia sẻ dữ liệu siêu thị
39	Quản lý chia sẻ dữ liệu chợ
40	Quản lý chia sẻ dữ liệu Trung tâm Logistics
41	Quản lý chia sẻ dữ liệu hợp tác xã
42	Quản lý chia sẻ dữ liệu chuỗi cửa hàng (cửa hàng tiện lợi)
43	Quản lý chia sẻ dữ liệu cửa hàng xăng dầu
44	Quản lý chia sẻ dữ liệu Thương nhân bán buôn thuốc lá
45	Quản lý chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp nhập khẩu
46	Quản lý chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp bán hàng đa cấp
47	Quản lý chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp thương mại điện tử
48	Quản lý chia sẻ dữ liệu Doanh nghiệp xuất khẩu
49	Quản lý chia sẻ dữ liệu Doanh nghiệp nhập khẩu
III	PHÂN HỆ QUY HOẠCH LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU
50	Quản lý danh mục giai đoạn quy hoạch
51	Quản lý dữ liệu quy hoạch chợ
52	Quản lý dữ liệu quy hoạch siêu thị
53	Quản lý dữ liệu quy hoạch trung tâm thương mại
54	Quản lý dữ liệu quy hoạch kinh doanh xăng dầu
55	Quản lý dữ liệu quy hoạch ngành thương mại
56	Báo cáo tổng hợp quy hoạch cho các lớp dữ liệu thuộc lĩnh vực thương mại - xuất khẩu
IV	PHÂN HỆ BÁO CÁO THỐNG KÊ
57	Thống kê dữ liệu chợ

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
58	Thống kê dữ liệu siêu thị
59	Thống kê dữ liệu trung tâm thương mại
60	Thống kê dữ liệu cửa hàng xăng dầu
61	Thống kê dữ liệu sàn thương mại điện tử
62	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp thương mại điện tử
63	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp bán hàng đa cấp
64	Thống kê dữ liệu trung tâm Logistics
65	Thống kê dữ liệu doanh nghiệp xúc tiến thương mại
66	Xuất Mẫu báo cáo công tác phát triển cửa hàng xăng dầu theo thông tư 34 của BCT
67	Xuất Mẫu báo cáo công tác phát triển chợ theo thông tư 34 của BCT
68	Xuất Mẫu công tác phát triển siêu thị, trung tâm thương mại theo thông tư 34 của BCT
V	PHÂN HỆ DASHBOARD
69	Xem biểu đồ thống kê số liệu các lớp dữ liệu thuộc lĩnh vực thương mại - xuất khẩu
70	Xem trang chính Dashboard tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ
71	Xem trang chính Dashboard báo cáo kim ngạch nhập khẩu
72	Xem trang chính Dashboard Báo cáo kim ngạch xuất khẩu
VI	PHÂN HỆ BÁO CÁO CHỈ TIÊU
73	Quản lý danh mục chỉ tiêu công thương
74	Quản lý kế hoạch
75	Quản lý chỉ tiêu của kế hoạch
76	Cập nhật dữ liệu chỉ tiêu báo cáo kim ngạch nhập khẩu
77	Xem báo cáo kim ngạch nhập khẩu.

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG
78	Cập nhật dữ liệu chỉ tiêu báo cáo kim ngạch xuất khẩu
79	Xem báo cáo kim ngạch xuất khẩu.
80	Cập nhật dữ liệu chỉ tiêu báo cáo chỉ số sản xuất công nghiệp theo thông tư 34 của BCT
81	Xem Báo cáo chỉ số sản xuất công nghiệp theo thông tư 34 của BCT
82	Cập nhật dữ liệu chỉ tiêu báo cáo sản phẩm công nghiệp chủ yếu theo thông tư 34 của BCT
83	Xem báo cáo sản phẩm công nghiệp chủ yếu theo thông tư 34 của BCT
84	Cập nhật dữ liệu chỉ tiêu báo cáo Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ theo thông tư 34 của BCT
85	Xem báo cáo Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ theo thông tư 34 của BCT
86	Cấu hình biểu tượng kế hoạch
VII	PHÂN HỆ DANH MỤC CÔNG THƯƠNG
87	Quản lý danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
88	Quản lý danh mục hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam
89	Quản lý danh mục đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp
90	Quản lý danh mục lĩnh vực công thương
91	Quản lý danh mục dịch vụ xuất nhập khẩu